

Số: 2209490

|                                                | Mazda CX-5 2.5L Signature Exclusive           | Peugeot 408 Legend Allure |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 979.000.000đ                                  | 1.039.000.000đ            |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                               |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4590 x 1845 x 1680                            | 4687 x 1850 x 1510        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2700                                          | 2787                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5500                                          |                           |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                           | 189                       |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1630                                          | 1430                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2080                                          | 1880                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 442                                           | 536                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 58                                            | 52                        |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                             | 5                         |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                              | SX-LR trong nước          |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                               |                           |
| Loại động cơ                                   | 2.5L Skyactiv-G                               | 1,6 Turbo PureTech        |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                          | 1598                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                    | 218 / 5500                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                    | 300 / 2000                |
| Hộp số                                         | 6AT                                           | 8AT                       |
| Hệ thống dẫn động                              | 2 Cầu (AWD)                                   | Cầu trước (FWD)           |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                            | Độc Lập Mac Pherson       |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                              | Bán Độc Lập               |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                           | Đĩa                       |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                           | Đĩa                       |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                    | 225/55 R18                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.27                                         | 9.74                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.75                                          | 6.31                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.04                                          | 7.59                      |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                             | -                         |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                | Eco/Normal/Sport          |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao(GVC Plus) |                           |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                               |                           |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                           | Xenon                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                             | ●                         |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                                             | -                         |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                             | -                         |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                                             | ●                         |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                             | ●                         |
| Đèn sương mù                                   | LED                                           | Halogen Projector         |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                           | Halogen                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | Sấy Gương                                     | ●                         |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                             | ●                         |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                             | ●                         |

## NỘI THẤT - TIỆN NGHI:

|                                      |                  |        |
|--------------------------------------|------------------|--------|
| Vô lăng bọc da                       | ●                | ●      |
| Chất liệu ghế                        | Da Nappa         | Da     |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                | ●      |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                | ●      |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                | ●      |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog & Digital | Analog |
| Màn hình HUD                         | ●                | ●      |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 8''              | AVN 7  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                | ●      |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                | ●      |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 2                | 2      |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                | ●      |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                | ●      |
| Khởi động nút bấm                    | ●                | ●      |
| Hệ thống âm thanh                    | 10 loa Bose      |        |
| Lấy chuyển số                        | ●                | ●      |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●                | -      |
| Giữ phanh tự động Autohold           | ●                | -      |
| Đèn trang trí nội thất               | -                | ●      |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                | ●      |

## AN TOÀN:

|                                                 |                |             |
|-------------------------------------------------|----------------|-------------|
| Số túi khí                                      | 6              | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●              | -           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●              | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              |             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●              |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau    | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●              | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●              | -           |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●              | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●              | -           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●              | -           |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | MRCC Stop & Go | -           |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360) | ●           |